

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST  
Ngày: 16 - 9 - 2020  
V/v Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Quốc Chương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh D - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đắk R, thành phố N, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI D V U Á N:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:*

Do quen biết nên anh K có nhờ chị H đi vay tiền giúp vào các lần như sau:

Lần 1: Anh K nhờ chị H vay Công ty tài chính tiêu dùng FE CREDIT số tiền 35.000.000 đồng (vay từ ngày 11/01/2019), với thời hạn trả là 24 tháng. Theo quy định của công ty, chị H phải trả góp số tiền cả gốc và lãi là 2.220.000 đồng x 24 tháng = 53.280.000 đồng. Anh K mới trả được 02 tháng là 4.440.000 đồng, số còn lại anh K chưa trả là 48.840.000 đồng.

Lần 2: Anh K nhờ chị H vay của ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị G số tiền 15.000.000 đồng đưa anh K (vay từ ngày 25/04/2018), lãi suất thỏa thuận là 450.000đ/tháng x 22.5 tháng = 10.125.000 đồng. Tổng số tiền anh K chưa trả của lần 2 là 25.125.000 đồng.

Lần 3: Anh K nhờ chị H đi vay của chị Dương Thị D số tiền 80.000.000 đồng đưa anh K (vay từ ngày 28/3/2019), lãi suất thỏa thuận. Tổng số tiền chị H đã trả cho chị D là 90.000.000 đồng cả gốc và lãi, trong đó, 80.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi. Đối với khoản vay này anh K đã trả được cho chị H 70.000.000 đồng. Còn lại số tiền 20.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi anh K chưa trả cho chị H. Tuy N, chị H chỉ yêu cầu anh K phải trả 17.640.000 đồng, trong đó, 10.000.000 đồng tiền gốc và 7.640.000 đồng tiền lãi đối với số tiền lần 3.

Tổng số tiền 03 lần vay anh K chưa trả là 91.605.000 đồng. Trong đó, lần 1: Số tiền gốc là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 13.840.000 đồng; lần 2: Số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 10.125.000 đồng; lần 3: Số tiền gốc là 10.000.000 đồng và 7.640.000 đồng tiền lãi.

Việc vay mượn trên vợ anh K không trực tiếp đi vay, không biết việc vay mượn của anh K. Do đó, chị H yêu cầu anh K phải chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền trên.

Việc vay mượn trên anh K có ký vào giấy xác nhận ngày 01/6/2019. Giấy này là do chị H viết và anh K đọc và đồng ý ký tên.

*Nguyên đơn yêu cầu:* Buộc anh Huỳnh Văn K phải trả cho chị Hoàng Thị Thu H tổng số tiền là 91.605.000 đồng. Trong đó, lần 1: Số tiền gốc là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 13.840.000 đồng; lần 2: Số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 10.125.000 đồng; lần 3: Số tiền gốc là 10.000.000 đồng và 7.640.000 đồng tiền lãi. Chị H không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn anh Huỳnh Văn K trình bày:* Anh Huỳnh Văn K thừa nhận có nhờ chị H vay các khoản vay như chị H trình bày. Xác định tổng số tiền là 91.605.000đ (*chín mươi một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng*) và không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi. Việc vay mượn trên vợ anh K không trực tiếp đi vay, không biết việc vay mượn của anh K. Do đó, anh K đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền trên và đề nghị trả tiền hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*Theo bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thùy N:* Chị N là vợ của anh K, việc vay mượn của anh K chị không biết và chị không liên quan gì đến việc vay mượn làm ăn của anh K.

*Theo lời khai của bà Nguyễn Thị G:* Bà G xác định vào ngày 15/4/2018 chị H có dẫn anh K vào nhà bà G vay số tiền 15.000.000 đồng. Đến nay chị H đã trả đủ cho bà G nên bà G không có ý kiến gì.

Nguyên đơn chấp nhận cho anh K trả tổng số tiền là 91.605.000đ (*chín mươi một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng*) và đồng ý yêu cầu cá nhân anh Huỳnh Văn K trả số tiền trên. Tuy N, không đồng ý với phương thức và thời hạn trả nợ như anh K trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý theo phương thức trả nợ mà bị đơn đưa ra; bị đơn đồng ý trả nợ cho nguyên đơn và xin được trả dần.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155, Điều 156, Điều 166, Điều 352 của Bộ luật Dân sự, xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Kiên đòi tài sản*”, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H, buộc anh Huỳnh Văn K phải trả cho chị Hoàng Thị Thu H tổng số tiền là 91.605.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, tuy N quá trình giải quyết vụ án thì xác định chị H không phải là người cho anh K vay, mà chị H đã đứng ra vay và cho anh K vay lại, chị H cũng đã trả thay toàn bộ số tiền cho anh K, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật “*Kiên đòi tài sản*” căn cứ khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trú tại phường Đ, thành phố N, tỉnh Đắk Nông, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 91.605.000 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và 31.605.000 đồng tiền nợ lãi): Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh K thừa nhận là có nhờ chị H vay các khoản vay như chị H trình bày gồm có: 03 lần, lần 1 vay của Công ty tài chính tiêu dùng FE CREDIT số tiền 35.000.000 đồng, tiền lãi là 18.280.000đ, tổng tiền là 53.280.000 đồng, anh K trả 4.440.000đ còn nợ 48.840.000 đồng; lần 2 vay của ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị G số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi 10.125.000 đồng, tổng tiền là 25.125.000 đồng; vay của chị Dương Thị D số tiền 80.000.000 đồng đưa anh K, còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc và 7.640.000 đồng tiền lãi, tổng tiền là 17.640.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền 03 lần vay anh K chưa trả là 91.605.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 60.000.000 đồng tiền lãi 31.605.000 đồng).

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh K đều thống nhất thỏa thuận về số tiền phải trả là 91.605.000 đồng căn cứ theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Mặt khác, anh K không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi và đồng ý nhận nợ, chị H đã đứng ra trả toàn bộ số tiền trên cho anh K. Anh K ký giấy xác nhận nợ chị H số tiền 91.605.000 đồng vào ngày 01/6/2019 hẹn đến ngày 07/6/2019 sẽ trả cho chị H, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 352 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của anh K đối với chị H đã bị vi phạm nên yêu cầu khởi kiện của chị H buộc anh K phải trả số tiền trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

**Điều 352. Trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ**

*Khi bên có nghĩa vụ thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên có quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ.*

[2.2] Đối với vợ của anh K là chị Nguyễn Thị Thùy N không biết việc vay mượn của anh K, chị H và anh K cũng đồng ý để cá nhân anh K trả số tiền 91.605.000 đồng cho chị H. Do đó, chị N không liên quan đến nghĩa vụ trả tiền cho chị H của anh K.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H được chấp nhận nên anh Huỳnh Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án là 91.605.000 đồng x 5% = 4.580.250đ (làm tròn số là 4.580.250 đồng). Chị Hoàng Thị Thu H được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 166, Điều 352, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thu H.

Buộc anh Huỳnh Văn K phải trả cho chị Hoàng Thị Thu H tổng số tiền là 91.605.000đ (chín mươi một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc anh Huỳnh Văn K phải chịu 4.580.000đ (bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Hoàng Thị Thu H 2.290.000đ (hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003450 ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Thị Yến**